TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2018/DS-ST
Ngày: 18-10-2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lại Hiệp Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: ÔngTrương Phước Công;

Ông Đặng Văn Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "*Hợp đồng dân sự, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị C (Bích C), sinh năm 1976; (có mặt).

Cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

- Bà Ngô Thị R, sinh năm 1966; (vắng mặt).

- Bà Lưu Thị Mộng T, sinh năm 1984; (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; (vắng mặt).

Cùng cư trú: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn M1, sinh năm 1967; (vắng mặt).

- Ông Trần Văn M2, sinh năm 1991; (vắng mặt).

- Ông Lưu Văn N, sinh năm 1950; (có mặt).

Cùng cư trú: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị C (Bích C) trình bày:

- Bà B và bà R là chỗ sui gia với nhau, bà T là con gái của bà B (con dâu của bà R), ông M1 là chồng của bà R. Ngày 13/8/2015 âm lịch, bà B, bà R, ông M1 và bà T có đến nhà bà vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để làm vốn mở trại mộc. Việc vay tiền có làm biên nhận nợ nhưng không ghi rõ mục đích vay tiền trong biên nhận. Bà T, bà R, bà B ký tên vào biên nhận có ông M1 chứng kiến. Lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng nhưng bà chưa nhận được tiền lãi lần nào. Khi vay, bà R có nói sẽ đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xuống đưa bà giữ để làm tin nhưng bà R không đem xuống do đang đổi sang giấy đất mới. Khi nào nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đã đổi bà R sẽ mang xuống nhưng đến nay bà R vẫn không mang đến giao cho bà. Sau đó, bà B có mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lưu Văn T xuống đưa cho bà nhưng do giấy đất quá cũ và mang tên người khác nên bà không đồng ý nhận. Vì vậy, bà không có giữ bất kì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào của các ông bà.

- Khi vay, bà không giao 01 lần đủ số tiền 100.000.000 đồng mà Chia ra nhiều lần giao tiền, cụ thể: lần 01 (ngày 10/8/2015), bà R và bà T ký tên nhận 25.000.000 đồng, lần 02 (sáng ngày 12/8/2015), bà T ký tên và nhận 5.000.000 đồng; lần 03 (chiều ngày 12/8/2015), bà R ký tên và nhận 20.000.000 đồng; lần 04 (ngày 13/8/2015), bà R, bà B và bà T cùng nhận 50.000.000 đồng và cùng ký tên vào biên nhận.

- Mặc dù, biên nhận nợ chỉ có bà B, bà R và bà T ký tên và nhận tiền nhưng do bà B và ông N, bà R và ông M1, bà T và ông M2 là vợ chồng và việc vay tiền để làm vốn làm ăn trong gia đình nên bà yêu cầu các ông bà T, R, B, N, M1, M2 có nghĩa vụ liên đới trả bà 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 13/9/2016 đến ngày Tòa án xét xử.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn N trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị B. Trước đây, bà R là chỗ sui gia với gia đình ông. Vợ ông cùng với bà R có vay tiền bà C nhiều lần, tổng số tiền đã vay 100.000.000 đồng, ông nghe nói lãi suất thỏa thuận trên giấy tờ là 3%/tháng, việc hai bên giao nhận tiền lãi như thế nào thì ông không biết. Sau khi vay tiền về, bà B và bà R có chia nhau số tiền vay để làm vốn. Bà B nhận tiền lại từ bà R số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không biết. Ở lần vay tiền cuối cùng của bà R, bà B có ký tên biên nhận nợ với bà C, số tiền bà B ký nhận bao nhiêu ông không rõ. Ông không có nhận tiền vay của bà C cũng không có nhận lại tiền từ bà R. Việc bà B vay tiền bà C hay nhận tiền từ bà R ông không biết, chỉ đến khi sau này mọi chuyện vỡ lẽ ra thì ông mới biết được việc bà R và bà B vay tiền của bà C. Sau đó, ông có mang tiền đến nhà bà C trả bà C 50.000.000 đồng nhưng bà C yêu cầu phải tính lãi đầy đủ mới đồng ý nhận nên ông mang tiền về không trả cho bà C.

Ông và bà B là vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc bà B vay tiền ông không biết và cũng không liên quan đến ông nhưng do uy tín sui gia và là chuyện nội bộ của gia đình hai bên nên ông đồng ý nhận lãnh trả hết số nợ 100.000.000 đồng. Hiện tại, hoàn cảnh gia đình ông khó khăn, ông yêu cầu bà C cho ông được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Bà R, bà T, bà B, ông M1 và ông M2 biết việc bà C nộp đơn khởi kiện đến Tòa án và có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do ông M1, ông M2 không liên quan đến việc vay tiền với bà C nên không có mặt theo các Thông báo của Tòa án; bà B sức khỏe không tốt nên không đến Tòa án được; bà R và T bận đi làm không thể có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Do bà R, B, T và ông M1, M2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa,

Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông N giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà C với bà R, bà B, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 13/8/2015 có chữ viết, ký tên của các bị đơn. Do phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Các ông M1, ông M2, ông N tuy không trực tiếp giao kết hợp đồng vay tài sản nhưng đây là là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên bà C yêu cầu các ông liên đới cùng với bị đơn trả nợ là phù hợp Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về lãi suất, bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 13/9/2016 đến ngày Tòa án xét xử là phù hợp Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của ông N, không được bà C đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, Điều 27 luật hôn nhân và gia đình, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà C khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản với bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà R, bà B, bà T, ông M1, ông M2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Giữa bà C với bà R, B, T có xác lập hợp đồng vay tài sản theo biên nhận ngày 13/8/2015. Xét thấy, hợp đồng này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo triệu tập các đương sự tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà R, B, T và ông M1, M2 vẫn không có mặt và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không có cơ sở xem xét ý kiến của ông bà.

Căn cứ vào biên nhận nợ, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của ông N có cơ sở xác định giữa bà B, bà R và bà T với bà C có thỏa thuận vay tài sản và được bà B chốt số nợ lại với bà C với số tiền vay tổng cộng 100.000.000 đồng và hẹn đến tháng 09/2016 âm lịch sẽ trả vốn và đóng lãi. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ và đến nay bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho bà C 100.000.000 đồng là phù hợp Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn yêu cầu ông N, ông M1, ông M2 có trách nhiệm liên đới với các bị đơn trả nợ. Tuy ông N, ông M1, ông M2 không trực tiếp vay tiền và ký tên biên nhận nợ nhưng ông N tự nguyện liên đới trả nợ cho bà C. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông N. Đối với ông M2 và ông M1, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho các ông nhưng các ông không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bên cạnh đó, giao dịch vay tài sản của bà R và bà T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại của các ông bà nên các ông phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà R và bà T trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về lãi suất: Bà C yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Xét, hợp đồng vay tiền giữa các bên tuy không thỏa thuận lãi suất nhưng nguyên đơn cho rằng lãi suất thỏa thuận 3%/tháng và được bị đơn xác nhận trong biên nhận đến

tháng 9/2016 âm lịch sẽ trả vốn và đóng lãi. Do đó, có cơ sở xác định hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay có lãi. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Tuy nhiên, để tạo điều kiện để bị đơn trả được nợ và tiền lãi cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự để tính số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Về thời hạn tính lãi: Bà C yêu cầu tính lãi kể từ ngày 13/9âl/2016 (tức ngày 13/10/2016 dương lịch) đến ngày Tòa án xét xử. Xét thấy, hai bên thỏa thuận vay tiền vào tháng 8/2015 và hẹn đến tháng 9/2016 âm lịch sẽ trả vốn và lãi. Lẽ ra, bị đơn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho nguyên đơn kể từ thời điểm nhận tiền vay. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 13/9/2016 âm lịch. Đây là sự tự nguyện yêu cầu của nguyên đơn. Xét, chấp chận thời hạn tính lãi của nguyên đơn.

Căn cứ khoản 2 Điều 476 luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi suất cơ bản 9%/năm (0,025%/ngày), số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 13/10/2016 đến ngày 18/10/2018 là 735 ngày;

Tiền lãi = 100.000.000 đồng x 0.025%/ngày x 735 ngày = 18.375.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng của ông N không được bà C đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà Ngô Thị R, bà Nguyễn Thị B, bà Lưu Thị Mộng T, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn M2 và ông Lưu Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi 18.375.000 đồng.

Đối với nội dung "thế chấp 1 giấy CNQSDĐ tên Ngô Thị R và Lưu Văn T sinh năm 1924. Tờ bản đồ số 03 – số thửa 896. DT 3829m^2" trong biên nhận. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này và bà C cũng không nhận giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nên không xét đến.

[3]. Về án phí: Đương sự vi phạm nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định; ông N được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Các Điều 298, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm đ Điều 12, Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C (Bích C).

Buộc bà Ngô Thị R, bà Nguyễn Thị B, bà Lưu Thị Mộng T, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn M2 và ông Lưu Văn N có trách nhiệm liên đới trả cho bà Vũ Thị C (Bích C) số tiền gốc 100.000.000 *(một trăm tiệu)* đồng và tiền lãi 18.375.000 *(mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng. Tổng cộng 118.375.000 *(một trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị R, bà Nguyễn Thị B, bà Lưu Thị Mộng T, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn M2 có trách nhiệm liên đới phải chịu 4.932.000 *(bốn triệu chín trăm ba mươi hai nghìn)* đồng.

Ông Lưu Văn N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 *(hai triệu năm trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0019676 do C cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 5 năm 2018.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán số tiền trên cho bên được thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- C cục THA dân sự Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.